TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày: 11-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý và bà Lâm Thị Trinh N - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01/01/1987, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Khu phố H, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện tại: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Cù Thị M; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 06/2012/HSST ngày 19/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 16/3/2012; bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

2. Lê Văn T, sinh ngày 05/4/1996, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Dư Thị N1; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

3. Thì Văn L, sinh ngày 03/8/2001, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thì Văn G và bà Lê Thị Đ1; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ: Từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: không; có mặt.

4. Thì Văn G, sinh ngày 01/01/1970, tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thì Văn N2 (chết) và bà Trần Thị K (chết); có vợ và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

5. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 01/01/1980, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (chết) và bà Lê Thị X (chết); có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

6. Lê Minh Q, sinh ngày 01/01/1977, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 (chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ và 02 con; tiền án: Bản án phúc thẩm số 03/2023/HS-PT ngày 02/8/2023 Tòa án Quân sự Quân khu 9, xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ, chấp hành xong ngày 15/8/2024; tiền sự: không; Nhân thân: Các Quyết định số 91/QĐ-XPVPHC và 92/QĐ-XPVPHC cùng ngày 17/11/2021, Đồn biên phòng cửa khẩu Quốc tế T13, xử phạt các hành vi: Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hằng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự cộng cộng, cố ý gây thương tích cho người khác và xâm hại đến sức khỏe của người khác, tổng số tiền 5.000.000 đồng (Đã hết thời hiệu thi hành quyết định nhưng tự nguyện nộp phạt ngày 29/02/2024.); bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

7. Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1982, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (chết) và bà Trần Thị N3; có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

8. Nguyễn Tấn N4, sinh ngày 11/01/2000, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn B1 và bà Võ Thị C2; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

9. Liêu Tấn P (còn có tên là M1), sinh ngày 01/01/1983 (Bị cáo khai tại phiên tòa, các giấy tờ cũ làm sai năm sinh là 1985), tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp I, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Văn Đ2 và bà Lý Thị Thu V; chung sống như vợ chồng với người khác, có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: (1) Quyết định số 1280/QĐHC-CTUBND ngày 01/9/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S, đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng; (2) Bản án số 28/2002/HS-ST ngày 10/12/2002, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 30 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng (Ghi nhận trong 2 Bản án số 206/2010/HSST và Bản án số 53/2016/HSST); (3) Bản án số 34/2009/HS-ST ngày 01/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phạt 04 năm tù về tội trộm cắp tài sản; (4) Bản án số 206/2010/HSST ngày 13/12/2010 của Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, xử phạt 2 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, tổng hợp với 04 năm tù của Bản án số 34/2009/HS-ST, tổng cộng 06 năm tù; (5) Bản án số 53/2016/HSST ngày 01/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 04 năm tù về Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (chấp hành xong 30/3/2020); bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

10. Dương Văn T3 (còn có tên là Thành G1), sinh ngày 10/6/1991, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M2 và bà Lê Thị Thu B2; có vợ, có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: (1) Ngày 28/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xử phạt 01 năm 06 tháng về tội cướp tài sản, chấp hành xong ngày 12/11/2013; (2) Bản án số 26/2020/HS-ST ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tôi gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong ngày 28/01/2022; bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

11. Nguyễn Văn T4 (còn có tên là N5), sinh ngày 30/10/1993, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B3 (chết) và bà Nguyễn Thị S; chung sống như vợ chồng với người khác, có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: (1) Bản án số 126/2020/HS-ST Ngày 08/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xử phạt Nguyễn Văn T4 02 năm 06 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng, chấp

hành xong ngày 25/04/2021; (2) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 67/QĐ-XPHC ngày 09/11/2022, Chủ tịch UBND huyện T xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. nộp phạt ngày 10/11/2022; bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

12. Nguyễn Trọng Đ3, sinh ngày 01/01/1994, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng C3 (chết) và bà Nguyễn Thị C4; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 05/2019/HS-ST Ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội vận chuyển hàng cấm, chấp hành xong vào ngày 19/9/2020; bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

13. Phạm Thanh S1, sinh ngày 28/12/2000, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C5 và bà Lương Kim T5; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

14. Đặng Thu K1, sinh ngày 09/10/2002, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N6 và bà Trần Thị T6; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 272/QĐ-XPHC ngày 18/12/2023 của Trưởng Công an huyện L, xử phạt số tiền 4.000.000 đồng về hành vi mang theo trong người đồ vật nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác (Chưa nộp phạt.); bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/9 đến ngày 07/10/2024, tạm giam: từ ngày 07/10/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện H; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Nguyễn Quang S2, sinh ngày 08/11/2003; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Việt H2, sinh ngày 04/4/1994; nơi cư trú: Ấp B, xã M, TP ., tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Ngô Chánh M3, sinh ngày 27/7/1994; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Dương Hoàng Ú (C5), sinh ngày 02/9/1983; nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Chí L1, sinh ngày 29/8/1991; nơi cư trú: Ấp Phú Thọ B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Thị T7, Trương Văn H3, Nguyễn Phương B4, Phan Sơn T8, Nguyễn Tuấn A1, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T9, Trương Văn T10, Trần Quốc C6, Lê Văn S3, Nguyễn Tuấn T11, Lê Minh T12, Nguyễn Thị Như Ý, Võ Văn A2 (V), Trần Văn L2, Nguyễn Vũ Anh K2; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 27/9/2024, nhóm của Liêu Tấn P gồm: Phạm Thanh S1, Nguyễn Trọng Đ3, Đặng Thu K1, Nguyễn Quang S2, Trần Văn L2, Nguyễn Vũ Anh K2 và P đi xe ô tô biển số 66A-149.64, màu trắng do Nguyễn Chí L1 điều khiển và Dương Văn T3, Nguyễn Văn T4 đi xe ô tô biển số 66A-124.77, màu xám do Dương Hoàng Ú điều khiển, đi từ xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đến bến đò Thường Phước – V, thuộc ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, gặp nhóm của Nguyễn Hoàng A gồm: Thì Văn L, Lê Văn T, Thì Văn G, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn N4 và Hoàng A với mục đích ngăn cản những người tham gia đánh bạc không cho sang vương quốc Campuchia đánh bạc. Trên đường đi, P nói với S1, Đ3, K1, S2, L2, K2, T4 và T3 "Chút nữa để anh B2 (P) xuống nói chuyện, mấy đứa phải nghe theo lời anh B2 nghe". Khi đến nơi, P cùng với Đ3, S1, K1, S2, L2, K2 xuống xe đi bộ đến bến đò chẻ (chạy xuồng máy) gần bến đò Thường Phước-V; còn T3, T4, L1, Ú ngồi trên xe đợi. Lúc này, P thấy Thì Văn L và 03-04 người khách đang ngồi đợi đò thì P dùng lời lẽ thô tục chửi và nói "Trường gà nghỉ chơi rồi, xuống đò làm gì, mấy thằng mầy lên hết đi". Lúc này, L dùng lời lẽ thô tục chửi và nói "Chỗ của tao làm ăn, mầy làm gì vậy?", thì nhóm P rượt đánh nên L bỏ chạy ra hướng bến đò Vĩnh Xương gặp Nguyễn Hoàng A. Hoàng A hỏi "Có chuyện gì vậy?". Lượm trả lời "Tụi nó đánh con". Lượm đi về nhà. Sau đó, Hoàng A điều khiển xe mô tô biển số 66G1-697.48 về nhà lấy 02 cây dao bỏ vào cốp xe, rồi điều khiển xe quay lại bến đò Thường Phước-V. Hoàng A cầm mỗi tay 01 cây dao rượt nhóm Liêu Tấn P. Thấy vậy, S1, K1 và K2 chạy đến xe ô tô biển số 66A-149.64, còn Đ3 chạy đến nơi T3, T4 và Ú đang đậu xe ô tô đợi. P và L2 chạy vào nhà dân trốn. Lúc này, Hoàng A cầm 02 cây dao rượt đuổi Nguyễn Quang S2 chạy ra đến đoạn dốc xuống bến đò

T-V thì S2 bị vấp ngã, nên Hoàng A cầm dao trên tay phải xông đến đâm 01 cái trúng vào sườn phải và dùng bề sóng cây dao đánh 01 cái trúng vào lưng của S2 gây thương tích. Khi S2 vừa đứng lên, cùng lúc Lê Văn T điều khiển xe mô tô biển số 66N1-063.94 chạy đến đụng trúng vào người S2, làm S2 té ngã xuống mặt đường, 02 tay, 02 chân bị thương. S2 chạy thoát. Hoàng A tiếp tục cầm 02 cây chạy đi theo hướng đường ĐT841, vừa đi vừa chửi thô tục lớn tiếng. Lúc đó, T nói với Nguyễn Tấn N4 "Mầy lên đây với anh", T nhặt 02 viên đá ven đường cầm trên hai tay, còn N4 đi đến đóng củi gần đó nhặt 01 khúc cây cầm trên tay. T và N4 cùng chạy theo sau Hoàng A để chuẩn bị đánh nhau với nhóm P. Riêng L về nhà lấy 01 cây dao, gặp cha là Thì Văn G. G hỏi "Bị gì vậy?". L nói "Tụi nó đánh con". G và L đi bộ lại bến đò Vĩnh Xương, trên đường Đ nhặt thêm 01 khúc cây, G nhặt 01 khúc cây.

Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q và Võ Văn A2 (V) cũng biết được thông tin nhóm của P đến gây chuyện với nhóm Hoàng A chạy xe đò tại bến đò T - V nên G, T1, Q mỗi người đều cầm 01 khúc cây, riêng Nguyễn Văn H cầm thêm 01 ống tuýp sắt cùng chạy từ hướng đường tỉnh lộ ĐT841 về hướng bến đò để chuẩn bị đánh nhau với nhóm của P.

Lúc này, nhóm của P gồm: Đ3, S1, K1, T3, T4 cũng nhặt cây và đá ven đường để rượt đuổi nhóm của Hoàng A nhưng nhìn thấy nhóm Hoàng A gồm: T (cầm 02 viên đá), N4 (cầm 01 khúc cây), Hoàng A (cầm 02 con dao) đang đi hướng từ bến đò Thường Phước-V đến đường Đ, còn nhóm L (cầm 01 con dao, 01 khúc cây), G (cầm 01 khúc cây), Q (cầm 01 khúc cây), T1 (cầm 01 khúc cây), H (cầm 01 khúc cây, 01 tuýp sắt) và A2 (không cầm gì) cũng đang đi hướng ngược lại (từ đường ĐT841 đến bến đò T- V), nên Đ3, T3, T4 lên xe ô tô biển số 66A-124.77 do anh Ú điều khiển, còn S1, K1 cũng lên xe ô tô biển số 66A-149.64 do anh L1 điều khiển cùng bỏ chạy ra hướng đường ĐT841 để tẩu thoát. Thấy vậy, Hoàng A cầm dao vừa chạy đến chém trúng 02 cái vào thân xe ô tô biển số 66A-149.64 làm xe bị hư hỏng. Khi nhìn thấy nhóm của P lên 02 xe ô tô bỏ chạy thì G, L, T1, Q, H mỗi người đều cầm 01 khúc cây chạy đến, khi xe ô tô biển số 66A-124.77 do anh Ú điều khiển chạy ngang thì L, G, T1, Q, H cầm cây ném trúng vào thân xe làm hư hỏng, làm khúc cây rớt xuống mặt đường thì các bị cáo nhặt lại khúc cây do mình vừa ném để tiếp tục ném trúng vào xe ô tô biển số 66A-149.64 do anh L1 điều khiển chạy ngang qua, làm xe bị hư hỏng nhiều vị trí. Anh L3 và anh Ú điều khiển xe chạy thoát.

Sau khi nhận được tin báo, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế T13 phối hợp Công an huyện H tiến hành xác minh và mời các đối tượng, những người có liên quan làm việc. Sau đó, Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế T13 chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để điều tra theo thẩm quyền.

* Vật chứng và xử lý:

- 01 (một) xe ô tô hiệu TOYOTA, INNOVA, biển số 66A -149.64, màu sơn trắng (bị hư hỏng); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 66002059, cấp ngày 22/4/2021 do anh Ngô Chánh M3 đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M3.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, ERTIGA, biển số 66A-124.77, màu sơn xám (bị hư hỏng); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 029484, cấp ngày 27/7/2020; 01 thẻ nhớ (microSD), nhãn hiệu Pioneer, màu đen – vàng, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng, tất cả tài sản của anh Nguyễn Việt H2. Cơ quan điều tra trả lại cho anh H2.

- Đối với xe mô tô biển số 66N1-063.94, nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, màu đen, số khung: 578978, số máy: 4283120, đã qua sử dụng. Là tài sản của Lê Minh T12 (anh của bị cáo Lê Văn T), bị cáo T mượn xe đi công chuyện, T sử dụng vào mục đích phạm tội, anh T12 không biết, nên Cơ quan điều tra trả lại cho anh Lê Minh T12.

- Đối với xe mô tô biển số 66G1-697.48, nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, của chị Nguyễn Thị Như Ý là em của Hoàng A. Chị Ý cho bị cáo Hoàng A mượn chạy xe ôm. Bị cáo Hoàng A sử dụng xe vào mục đích phạm tội, chị Ý không biết nên Cơ quan điều tra trả lại cho chị Ý.

- 01 (một) đĩa DVD-R 4.7GB 16X có chứa 40 tệp video, bắt đầu là type có tên "1727401836360-61532-allday" và kết thúc là type có tên "1727404216672-61999-allday"; 01 (một) đĩa DVD-R 4.7GB 16X có chứa 40 tệp video, bắt đầu là type có tên "1727401827589-62129-allday" và kết thúc là type có tên "1727404287071-60062-allday"; 01 (một) đĩa DVD-R 4.7GB 16X có chứa 34 tệp video, bắt đầu là type có tên "1727401841463-60062-allday" và kết thúc là type có tên "17274043930397-60064-allday". Tất cả được niêm phong trong một phong bì giấy, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn B5, Nguyễn Văn C7, Lê Văn Đ4 và in hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã T.

- 01 (một) đĩa DVD-R 4.7GB 16X có chứa 01 tệp video tên "hiv00138", được niêm phong trong một phong bì giấy, có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn B5, Đặng Thanh Q1, Nguyễn Thị Hoàng Y và in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.

- 01 (một) khúc gỗ tre, chiều dài 219 cm (centimet), tại các mắt tre còn nhiều nhánh chưa được chặt sát, trọng lượng 1,8kg; 01 (một) khúc tre, chiều dài 265cm, một đầu bị tét nhọn, tại các mắt tre còn nhiều nhánh chưa được chặt sát, trọng lượng 1,2kg; 01 (một) khúc gỗ vuông, kích thước 3,5x3,5cm, dài 144cm, có một đầu nhọn, trọng lượng 0,9kg; 01 (một) khúc gỗ vuông, kích thước 3,5x3,5cm, dài 210cm, một đầu tét nhọn, một đầu cặp cố định với 01 (một) khúc gỗ vuông, kích thước 3,5x3,5cm, dài 48,5cm, có tổng trọng lượng 2,2kg; 01 (một) khúc gỗ,

kích thước 3,5x5,5cm, dài 130,5cm, một đầu tét nhọn, trọng lượng 1,7kg; 01 (một) khúc gỗ tròn, cong, dài 45cm, nhọn hai đầu, trọng lượng 0,4kg; 01 (một) viên gạch ống vuông, bị vỡ một đầu, kích thước 7,5x7,5cm, dài 18cm, trọng lượng 01kg; 01 (một) viên gạch ống bị vỡ, dài 18cm, trọng lượng 0,6kg; 01 (một) viên gạch ống bị vỡ, dài 18cm, trọng lượng 0,6kg; 06 (sáu) mảnh vỡ của viên gạch ống. Tất cả được thu giữ khi khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra cho các bị cáo nhận dạng, nhưng các bị cáo không nhận dạng được.

- 500.000 đồng, do bị cáo Lê Văn T tự nguyện giao nộp để bồi thường điều trị thương tích cho bị hại S2.

- Đối với 02 con dao bị cáo Hoàng A sử dụng để gây thương tích cho bị hại S2 và 01 con dao bị cáo T cầm để gây rối trật tự công cộng mà bị cáo T ném bỏ tại hiện trường, đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

* Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 77/KLTTCT-TTPYĐT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận:

- 03 (ba) vết thương phần mềm đường nách giữa mạn sườn phải, mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái, kính thước nhỏ. Mỗi vết 01%.

- 05 (năm) vết thương phần mềm cổ tay trái, mặt lưng bàn tay trái, vùng giữa lưng, vùng lưng phải, mặt trước gối phải, kính thước trung bình. Mỗi vết 02%.

- 02 (hai) vết thương phần mềm mặt trước gối phải, mặt trước gối trái, kích thước lớn. Mỗi vết 03%.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/20219 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Quang S2 tại thời điểm giám định là 17% (mười bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Kết luận khác: Tổn thương vùng giữa lưng, vùng lưng phải, mạn sườn phải do vật sắc nhọn gây ra; Các tổn thương còn lại do va chạm vật tày gây ra; Tổn thương mặt sau cổ tay trái, mặt lưng bàn tay trái, vùng giữa lưng có chiều hướng từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; Tổn thương vùng lưng phải, mạn sườn phải có chiều hướng từ phải sang trái, từ trên xuống dưới; Tổn thương vùng gối phải, gối trái, cẳng chân trái có chiều hướng từ dưới lên trên.

* Kết luận định giá tài sản số 38/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 04/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận:

- Đối với xe ô tô biển số 66A-149.64, nhãn hiệu TOYOTA, INNOVA, 07 chỗ, màu trắng, bị hư hỏng với tổng trị giá là 3.620.000 đồng, cụ thể:

+ Gương chiếu hậu bên phải bị vỡ kính và vỡ ốp lưng. Giá phục hồi 880.000 đồng.

+ Chính giữa cánh cửa bên phải, phía sau có 1 vùng bị trầy xước và bong tróc sơn, kích thước 14 x 07 cm. Giá phục hồi 500.000 đồng.

+ Phía sau, bên phải đuôi thân xe có 1 vết trầy xước và thụng vào trong, kích thước 20 x 14 cm, kích thước vết trầy xước 6.5 x 2 cm. Giá phục hồi 600.000 đồng.

+ Ốp nhựa đèn tín hiệu bên trái, phía sau bị vỡ 1 phần, kích thước 8,5 x 6,5 cm. Giá phục hồi 295.000 đồng.

+ Cánh cửa bên trái, phía sau có 01 vết thủng và trầy xước, kích thước 0,4 x 1,5 cm. Giá phục hồi 250.000 đồng.

+ Khung viền nhựa bên ngoài tấm kính của cánh cửa bên trái, phía sau có 01 vùng bị nứt gãy, kích thước 12 x 2,5 cm. Giá phục hồi 695.000 đồng.

+ Cánh cửa bên trái, phía trước có 1 đường trầy xước không liên tục, kích thước 80 x 2,5 cm. Giá phục học hồi 400.000 đồng.

- Đối với xe ô tô mang biển kiểm soát 66A-124.77, nhãn hiệu SUZUKI, số loại ERTIGA, loại xe 07 chỗ, màu xám, bị hư hỏng với tổng trị giá là 6.350.000 đồng, cụ thể như sau:

+ 01 (một) vết xước, lõm tại vị trí 1/3 trụ trước, bên phải có kích thước 06 x 4,5 cm. Giá phục hồi: 550.000 đồng.

+ 01 (một) vết xước, lõm tại vị trí phía trên cửa trước, bên phải có kích thước 11,5 x 2,7 cm. Giá thay mới: 1.050.000 đồng.

+ 01 (một) vết xước, lõm tại vị trí khung cửa trước, bên phải có kích thước 2,3 x 0,4 cm. Giá phục hồi 300.000 đồng.

+ Kính cửa sau, bên phải bị vỡ hoàn toàn. Giá thay mới 3.000.000 đồng.

+ 01 (một) vết xước tại vị trí ốp trắng bánh xe trước bên trái có kích thước dài 13,5 cm. Giá phục hồi: 400.000 đồng.

+ 01 (một) vết xước, lõm tại vị trí phía cửa sau bên trái có kích thước dài 97 cm. Giá phục hồi 850.000 đồng.

+ 01 (một) vết xước tại vị trí ốp chắn bánh sau, bên trái có kích thước dài 6,5 cm. Giá phục hồi: 200.000 đồng.

* Tại Kết luận giám định số 1560/KL-KTHS ngày 11 tháng 11 năm 2024 của phòng K3 Công an tỉnh Đ, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong video mẫu cần giám định (đối 04 đĩa DVD).

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo giải quyết mâu thuẫn, bằng bạo lực. Nhóm bị cáo P gồm: S1, Đ3, K1, S2, L2, K2, T3, T4 và P, đến gây sự với nhóm của Hoàng A gồm: Lượm, T, G, T12, N4 và Hoàng A. Khi hay tin L bị P chửi, nên Hoàng A lấy 02 con dao đâm chém gây thương tích cho anh S2. 02 bên cầm dao, cây, gạch, đá... rượt đuổi lẫn nhau đoạn đường B - V đến đường

ĐT841. Các bị cáo S1, Đ3, K1, T3, T4, Hoàng A, L, T, G, T12, N4 sử dụng dao, cây, gạch, đá... là hung khí nguy hiểm tụ tập trên đường chửi tục, la lối lớn tiếng, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, quần chúng nhân dân hoang mang, lo sợ. Ngày ngày 27 và ngày 30 tháng 9 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã T, Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế T13 và người dân sinh sống tại khu vực bến đò Thường Phước - V đề nghị xử lý đối với các đối tượng gây rối trật tự công cộng. Hậu quả: gây thương tích cho bị hại S2 tỷ lệ thương tích 17%, cố ý làm hư hỏng 02 xe mô tô tổng giá trị 9.970.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với xe ô tô biển số 66A-149.64, anh Ngô Chánh M3 là chủ sở hữu và các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q thống nhất bồi thường 10.000.000 đồng, anh M3 đã nhận tiền.

- Đối với xe ô tô biển số biển số 66A-124.77 anh Nguyễn Việt H2 là chủ sở hữu và các bị cáo Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q thống nhất bồi thường 6.350.000 đồng, anh H2 đã nhận tiền.

Đối với bị hại Nguyễn Quang S2 bị các bị cáo Nguyễn Hoàng A và Lê Văn T gây thương tích, nhưng anh S2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng truy tố số 15/CT-VKSHN ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị:

* Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Văn T, Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn N4, Liêu Tấn P, Dương Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Trọng Đ3, Phạm Thanh S1 và Đặng Thu K1 đồng phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Văn T đồng phạm Tội cố ý gây thương tích.

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng A, Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn Hòa Đ5 phạm Tội cố ý làm hư hỏng tài sản.

* Về hình phạt:

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích; từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng; từ 06 tháng đến 09 tháng về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội cố ý gây thương tích; mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đề nghị tuyên phạt bị cáo Thì Văn L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản; mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, tuyên phạt bị cáo Thì Văn G mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản; mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản; mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS phạt bị cáo Lê Minh Q mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản; mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản; mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Văn T, Thì Văn G, Thì Văn L, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn H.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS phạt bị cáo Liêu Tấn P mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Tấn N4, Dương Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Trọng Đ3, Phạm Thanh S1, Đặng Thu K1 mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cùng về Tội gây rối trật tự công cộng.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị: Lưu hồ sơ vụ án: 04 (bốn) đĩa DVD-R. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Văn T khắc phục hậu quả cho bị hại S2 500.000 đồng.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng:

Các bị cáo đều đã biết sai, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình. Các bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn: Bị cáo T lo cho mẹ bệnh, cha đã lớn tuổi, mong được ở lại với gia đình. Bị cáo L lo cho vợ con, hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo G không biết đọc chữ, không hiểu pháp luật, gia đình khó khăn mà bị cáo là trụ cột, con không có việc làm. Bị cáo T1 có cha có công, bản thân cũng có công được khen thưởng. Bị cáo Q bị thu hồi đất phải ở thuê, xin được phạt hành chính phạt tiền để được ở nhà, nếu đi không ai nuôi con. Bị cáo H là lao động chính trong gia đình, 3 con đang đi học, xin được ở nhà để lo cho con và mẹ vợ. Bị cáo N4 phải lo cho vợ con. Bị cáo P sớm trở về lo cho cha mẹ, vợ con, làm người tốt cho xã hội. Các bị cáo T3, T4, Đ3, S1, K1 ngoài về sớm để lo cho gia đinh, vợ con, làm người tốt cho xã hội còn đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Hoàng A, các bị cáo trong nhóm của Hoàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng như đã nêu ở phần "NỘI DUNG VỤ ÁN", phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Tất cả 14 bị đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Đối với hành vi gây rối trật tự công cộng:

[5] Bị cáo Liêu Tấn P là người khởi xướng, cùng các bị cáo Đ3, S1, K1, T3, T4 và S2, K2, L2 đi đến bến đò chẻ để gây chuyện với nhóm của bị cáo Hoàng A. Bị cáo P nói với những người đi chung để bị cáo xuống nói chuyện, còn lại phải nghe theo P. Cả nhóm đi xuống bến đò chẻ gây chuyện nên dẫn đến mâu thuẫn, đánh nhau gây thương tích, gây rối trật tự công cộng và làm hư hỏng tài sản. Như vậy, bị cáo P có vai trò chính trong nhóm, khởi xướng, thực hành, xuống

đuổi khách dưới đò chẻ lên bờ, gây sự trước với nhóm của Hoàng A. Các bị cáo đi cùng có vai trò giúp sức, thực hành dùng hung khí cây, gạch nhằm để đánh nhau, chửi bới, la hét gây náo loạn mất trật tự tại bến đò Thường Phước - V và đường dẫn xuống bến đò, nơi có đông người qua lại, dân cư sinh sống.

[6] Khi bị cáo Nguyễn Hoàng A biết nhóm của bị cáo P đến gây sự, đã dùng 02 cây dao đến khu vực bến đò T - V rượt đuổi nhóm của bị cáo P. Sau khi gây thương tích cho bị hại Nguyễn Quang S2, bị cáo tiếp tục cầm 02 cây dao cùng các bị cáo T và N4 rượt theo nhóm của các bị cáo T3, T4, Đ3, S1, K1. Bị cáo Lê Văn T sau khi cùng bị cáo Hoàng A gây thương tích cho bị hại S2 cũng tiếp tục nhặt 02 viên đá, cùng bị cáo Hoàng A và N4 rượt theo nhóm của các bị cáo T3, T4, Đ3, S1, K1. Các bị cáo còn lại khi xảy ra đánh nhau đã sử dụng hung khí là dao, cây, gạch đá nhằm đánh nhau, làm hư hỏng tài sản, chửi bới, la lối gây mất trật tự công cộng. Trong nhóm này, bị cáo Hoàng A là người có vai trò chính, lẽ ra sự việc lúc đầu có thể báo cho chính quyền địa phương can thiệp khi có người đến gây gỗ, kiếm chuyện thì bị cáo lại khởi xướng dùng dao rượt đánh nhóm của P nên cũng góp phần dẫn đến có vụ án này. Các bị cáo còn lại có vai trò thực hành, giúp sức trong việc dùng hung khí gây rối trật tự công cộng.

[7] Các bị cáo sử dụng hung khí dao, cây gỗ, gạch… rượt đuổi, liên tục la hét, chửi bới gây mất tình trạng ổn định tại nơi công cộng, làm người dân hoang mang, ngay cả một số bị cáo khai tại phiên tòa cũng thấy hoảng loạn, gây bức xúc dư luận nên đã đủ căn cứ kết luận tất cả 14 bị cáo đồng phạm Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của BLHS. Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, tổ chức cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

[8] Đối với hành vi cố ý gây thương tích: Bị cáo Nguyễn Hoàng A sử dụng 02 cây dao là hung khí nguy hiểm đâm vào sườn phải, chém trúng vào lưng gây thương tích cho bị hại S2, với tỷ lệ tổn thương là 05%. Cùng lúc, bị cáo Lê Văn T dùng xe mô tô tông vào người làm bị hại S2 té ngã, bị thương ở chân và tay, tổng tỷ lệ tổn thương là 14 %. 02 bị cáo cùng nhau gây thương tích cho bị hại S2 nên phải cùng chịu hậu quả đối với tổng tỷ lệ thương tích được cộng lùi theo Thông tư số 22 là 17%. Do đó, đủ căn cứ kết luận 02 bị cáo Nguyễn Hoàng A và Lê Văn T đồng phạm Tội cố ý gây thương tích quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS. Các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giản đơn. Các bị cáo phải biết, sức khỏe của con người vốn quý, không gì có thể thay thế được, bất cứ ai cũng không có quyền xâm phạm trái pháp luật, mọi hành vi cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác đều được xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật.

[9] Đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản: Khi nhóm của bị cáo P lên xe chạy đi thì nhóm của bị cáo Hoàng A cùng nhau dùng hung khí là dao, cây gỗ tấn

công tới tấp vào 02 xe ô tô biển số 66A-149.64 do anh L3 điều khiển và xe ô tô biển số 66A-124.77 do anh Ú điều khiển làm 02 xe bị hư hỏng với tổng thiệt hại là 9.970.000 đồng, nên đã đủ căn cứ kết luận 06 bị cáo Hoàng A, L, G, T1, Q, Hòa đồng phạm Tội cố ý làm hư hỏng tài sản quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS, với vai trò đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi.

[10] BLHS, quy định:

"Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm…"

"Điều 134 Tội cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này…"

"Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

"Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách; …"

[11] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[12] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành; các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhất thời, không có sự phân công vai trò cụ thể, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của BLHS.

[13] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng thích dùng bạo lực tương tự. Do đó, không chấp nhận đề nghị của các bị cáo xin được hưởng án treo, phạt tiền.

[14] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo Hoàng A từng có 01 tiền án. Bị cáo Q có 01 tiền án, từng có 02 tiền sự. Bị cáo P từng có 01 tiền sự, 04 tiền án. Bị cáo T3 từng có 02 tiền án. Bị cáo T4 từng có 01 tiền án, 01 tiền sự. Bị cáo Đ3 từng có 01 tiền án. Bị cáo K1 có 01 tiền sự.

[15] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần này là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết này là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[16] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận tội tại phiên tòa, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Các bị cáo Hoàng A, T, T1, L, G, Q, H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Con của các bị cáo L, T3, T4, N4 còn nhỏ chưa đủ 3 tuổi. Bị cáo T có mẹ là bà Dư Thị N1 là người khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Khi còn công tác trong ngành Công an được Giám đốc Công an tỉnh Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc. Cha bị cáo Hoàng A là thương binh loại A. Cha bị cáo T1 là công dân hỏa tiến tham gia chống Pháp, chống Mỹ, làm nhiệm vụ quốc tế; bản thân bị cáo T1 được Chỉ huy Trưởng Bộ đội Biên phòng tặng Giấy khen do có nhiều đóng góp giúp bảo vệ biên giới và chống dịch Covid-19. Bị cáo Đ3 có ông cố là liệt sĩ, ông nội là thương binh. Bị cáo T3 có ông nội là liệt sĩ. Bị cáo N4 có ông cồ là liệt sĩ, bà cố nội là bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Căn cứ vào quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính

nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa; cho các có cơ hội sớm trở về làm lại cuộc đời, không tiếp tục vi phạm pháp luật nữa.

[17] Về trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[18] Về xử lý vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[19] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

[20] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- 14 bị cáo: Nguyễn Hoàng A, Lê Văn T, Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn N4, Liêu Tấn P, Dương Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Trọng Đ3, Phạm Thanh S1 và Đặng Thu K1 đồng phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

- 02 bị cáo: Nguyễn Hoàng A, Lê Văn T đồng phạm Tội cố ý gây thương tích.

- 06 bị cáo Nguyễn Hoàng A, Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn Hòa Đ5 phạm Tội cố ý làm hư hỏng tài sản.

2. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 02 năm tù về Tội cố ý gây thương tích, 02 năm 06 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng, 06 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, tổng hợp hình phạt chung là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

3. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 năm tù về Tội cố ý gây thương tích, 02 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

4. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thì Văn L 06 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, 02 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 28 tháng 9 đến ngày 07 tháng 10 năm 2024.

5. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thì Văn G 06 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, 02 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

6. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, 02 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

7. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Minh Q 06 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, 02 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

8. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 tháng tù về Tội cố ý làm hư hỏng tài sản, 02 năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, tổng hợp hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

9. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Liêu Tấn P 03 (ba) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

10. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn N4 02 (hai) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

11. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn T3 02 (hai) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

12. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 02 (hai) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

13. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ3 02 (hai) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

14. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thanh S1 02 (hai) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

15. Áp dụng các Điều 17, 38, 58; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thu K1 02 (hai) năm tù về Tội gây rối trật tự công cộng, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

16. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự, công nhận sự tự nguyện: Bị cáo Lê Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Nguyễn Quang S2 số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Bị cáo T đã nộp, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên lai thu tiền số 0003062 ngày 17 tháng 3 năm 2025.

17. Về xử lý vật chứng, căn cứ vào khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khúc tre, có chiều dài 219cm, tại các mắt tre còn nhiều nhánh chưa được chặt sát, trọng lượng 1,8kg; 01 (một) khúc tre, có chiều dài 265cm, có một đầu bị tét nhọn, tại các mắt tre còn nhiều nhánh chưa được chặt sát, trọng lượng 1,2kg; 01 (một) khúc gỗ vuông, kích thướt 3,5x3,5cm, dài 144cm, có một đầu nhọn, trọng lượng 0,9kg; 01 (một) khúc gỗ vuông, kích thước 3,5x3,5cm, dài 210cm, một đầu tét nhọn, một đầu cặp cố định với 01 (một) khúc gỗ vuông, kích thước 3,5x3,5cm, dài 48,5cm, có tổng trọng lượng 2,2kg; 01 (một) khúc gỗ, kích thước 3,5x5,5cm, dài 130,5cm, một đầu tét nhọn, trọng lượng 1,7kg; 01 (một) khúc gỗ tròn, cong, dài 45cm, nhọn hai đầu, trọng lượng 0,4kg; 01 (một) viên gạch ống vuông, bị vỡ một đầu, kích thước 7,5x7,5cm, dài 18cm, trọng lượng 1kg; 01 (một) viên gạch ống bị vỡ, dài 18cm, trọng lượng 0,6kg; 01 (một) viên gạch ống bị vỡ, dài 18cm, trọng lượng 0,6kg; 06 (sáu) mảnh vỡ của viên gạch ống.

Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 04 (bốn) đĩa DVD-R (Bút lục 85-86).

18. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc 14 bị cáo Nguyễn Hoàng A, Lê Văn T, Thì Văn L, Thì V, Nguyễn Văn T1, Lê Minh Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn N4, Liêu Tấn P, Dương Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Trọng Đ3, Phạm Thanh S1 và Đặng Thu K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

19. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 6 năm 2025). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

20. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

21. Phần quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú